

Mô hình công ty spin-off

Để có thể triển khai các kết quả nghiên cứu, việc thành lập các doanh nghiệp công nghệ để thương mại hóa các kết quả này là một việc không thể thiếu. Thành lập các công ty khởi nghiệp do chính nhà khoa học đồng sở hữu với cơ quan nghiên cứu chính là mô hình công ty spin-off (*university spin-off company* hoặc *technology spin-off company*) rất phổ biến ở các nước phát triển.

NGÔ ĐỨC THẾ (*)

NHÀ PHÁT MINH ĐƯỢC HƯỞNG CỔ PHẦN

Khái niệm “*university spin-off company*” hoặc “*academic spin-off company*” không mấy phổ biến ở Việt Nam, nhưng rất phổ biến ở các nước phát triển, đặc biệt ở các nước có nền khoa học phát triển, và thậm chí ngay nước láng giềng nhỏ bé của Việt Nam là Singapore. Công ty công nghệ spin-off được hiểu là các công ty công nghệ triển khai các kết quả nghiên cứu ứng dụng của các nhà khoa học với hình thức đồng sở hữu của cơ sở nghiên cứu và nhà phát minh, và được quản lý độc lập với cơ sở nghiên cứu. Công ty này phát triển và sản xuất sản phẩm từ công nghệ được phát triển bởi nhà nghiên cứu, và bán sản phẩm ra thị trường thông qua các kênh phân phối thích hợp. Hoặc ở quy mô thấp hơn, công ty spin-off có thể là một kênh trung gian để tiếp tục phát triển công nghệ nhằm chuyển giao tới các doanh nghiệp sản xuất lớn hơn.

Hình thức công ty “spin-off” xuất hiện lần đầu tiên ở Vương quốc Anh vào cuối thế kỷ 19. Mô hình này nhanh chóng phát triển ở Mỹ và Anh từ giữa đến cuối thế kỷ 20, với một mốc quan trọng vào năm 1980, với Đạo luật Bayh-Dole được phê duyệt ở Mỹ nhằm luật hóa hoạt động của mô hình công ty này. Từ đây, mô hình này nhanh chóng được phát triển ở nhiều nước như Mỹ, châu Âu, Nhật Bản,... và trở thành một giải pháp



Công viên Khoa học Cambridge hiện là đại bản doanh của hơn 100 doanh nghiệp spin-off được thành lập năm 1970 bởi Viện Đại học Cambridge.

thích hợp cho phép nhà phát minh vừa giữ được tài sản trí tuệ, vừa thu được lợi nhuận từ kinh tế đồng thời cơ sở nghiên cứu cũng được hưởng lợi ích lâu dài.

Để có thể thành lập được các công ty spin-off thì điều đầu tiên (quan trọng nhất) là nhà nghiên cứu tạo ra được kết quả nghiên cứu có tính ứng dụng (cho thị trường) và có khả năng thương mại hóa. Và cơ sở nghiên cứu sẽ hỗ trợ việc thương mại hóa thông qua các quỹ đầu tư khởi nghiệp (các trường đại học lớn trên thế giới đều có ngân quỹ như thế này) và đầu tư cho nhà nghiên cứu nhằm hình thành công ty (tất nhiên bằng sáng chế (patent) sở hữu trí tuệ luôn được

đăng ký trước đó để bảo vệ sản phẩm trí tuệ bởi luật pháp). Điểm quan trọng ở đây là nhà phát minh không phải là người làm thuê cho khoản đầu tư này mà được cùng hưởng cổ phần trong doanh nghiệp (đồng thời là người sáng lập và lãnh đạo mảng kỹ thuật, công nghệ của công ty). Với những công nghệ cần có vốn đầu tư ban đầu lớn mà cơ sở không đủ khả năng đầu tư, họ sẽ kêu gọi đầu tư từ các nguồn đầu tư bên ngoài (quỹ đầu tư, doanh nghiệp,...) để cùng góp vốn. Đây chính là cách Đại học Quốc gia Singapore hỗ trợ PGS. Phan Toàn Thắng cách đây hơn 10 năm để mở công ty dựa trên phát minh tế bào gốc cuống rốn của anh.

Có thể phân biệt công ty “*university spin-off*” và các doanh nghiệp khởi nghiệp (*start-up entrepreneurs*) theo bảng so sánh dưới đây:

	Spin-off	Start-up
Thành lập bởi	Trường đại học (cơ sở nghiên cứu,...)	Bên ngoài trường đại học
Công nghệ	Sở hữu bởi trường đại học	Mua giấy phép công nghệ
Vốn đầu tư	Trường đại học (cơ sở nghiên cứu)	Bên ngoài trường đại học
Quản lý	Các nhà nghiên cứu của trường đại học	Người ngoài trường đại học

TỪ KINH NGHIỆM SINGAPORE

Trong khối ASEAN, Singapore tuy là một quốc gia nhỏ chỉ với hai trường đại học nghiên cứu chính (Đại học Quốc gia - NUS, và Đại học Công nghệ Nanyang - NTU), cùng với hệ thống các viện nghiên cứu khoa học và công nghệ thuộc cơ quan nghiên cứu khoa học và công nghệ (A*STAR) là những nơi ươm mầm cho các công ty công nghệ spin-off. Chỉ tính trong năm năm (1998-2003), đã có hơn 70 doanh nghiệp spin-off được thành lập từ các cơ quan này. Với nguồn đầu tư dồi dào từ ngân sách chính phủ cùng với cơ chế thoáng trong thủ tục hành chính, Singapore là một trong những quốc gia năng động nhất châu Á trong việc phát triển mô hình spin-off.

Đặc điểm quan trọng của các công ty spin-off là quy mô khởi đầu nhỏ và vừa với số vốn đầu tư không quá lớn (tất nhiên tùy thuộc từng lĩnh vực cụ thể) và dễ dàng thích ứng với sự thay đổi của thị trường. Giáo sư Xiaogang Peng (Đại học Arkansas, Mỹ) trong bài tổng quan về cơ hội và thách thức đối với mô hình spin-off đã ví mô hình spin-off giống như các con thuyền nhỏ đi trên sóng nước, dễ dàng thích ứng với các con sóng dữ nhờ sự linh động. Mô hình các công ty spin-off nhỏ và vừa hiện đang được yêu thích và đầu tư mạnh ở nhiều quốc gia châu Âu do khả năng tạo việc làm tốt, tận dụng cơ sở hạ tầng nghiên cứu từ chính các trung tâm nghiên cứu phát triển, nơi được đầu

tư cơ sở hạ tầng hiện đại đủ khả năng phục vụ cho cả nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu phát triển, vừa tận dụng nguồn nhân lực chất lượng cao được đào tạo từ đây. Với quy mô nhỏ và

vừa, khả năng thu hồi vốn của spin-off nhanh hơn cùng với chi phí thấp hơn cho việc xây dựng cơ sở vật chất cũng như chi phí quản trị. Bên cạnh đó, các trường đại học lớn hiện nay còn tính đến sự “xung đột” giữa chức năng làm học thuật (của nhà nghiên cứu) và chức năng làm kinh doanh (khi quản lý doanh nghiệp spin-off) nên đều có những văn bản thỏa thuận rất rõ ràng về phân công các nhiệm vụ mà nhà khoa học cần hoàn thành.

ĐẾN CÂU CHUYỆN VIỆT NAM

Trở lại với Việt Nam, không thể thừa nhận một thực tế đáng buồn là nền khoa học còn ở mức thấp so với mặt bằng thế giới. Nhưng ở trong bức tranh tối về nền khoa học Việt Nam thì vẫn có một số điểm sáng của một số nhà khoa học có năng lực, có tâm huyết và say mê với nghề nên đã tạo ra một số kết quả có ý nghĩa khoa học và ứng dụng, cũng như tiềm năng thương mại hóa. Tuy nhiên, thuật ngữ spin-off dường như còn khá mới mẻ và mô hình này thực chất chưa được phát triển. Ở nhiều trường đại học và cơ sở nghiên cứu, các kết quả có tính ứng dụng và thương mại hóa thường được chuyển giao một cách vội vã và chưa tính đến lợi ích lâu dài cho chính nhà nghiên cứu và cơ sở nghiên cứu, hoặc trong nhiều trường hợp các kết quả bị bỏ qua vì không có tiền đầu tư làm thương mại hóa. Trong một bài phỏng vấn gần đây trên *Tạp chí Kiến thức ngày nay*, PGS. TS. Phạm Văn Nho (Đại học Quốc gia Hà Nội),

người theo đuổi các nghiên cứu ứng dụng vật liệu nano đã “than thở” rằng các sản phẩm của ông không có khả năng đưa đến thị trường vì vừa thiếu tiền khởi nghiệp, vừa không đủ khả năng giới thiệu bán sản phẩm,...

Những bức xúc của PGS. Nho cũng chính là một thực tế phản ánh sự thiếu hỗ trợ từ chính trường đại học và nhà nước trong việc hỗ trợ các nhà khoa học thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu. Bên cạnh việc thiếu các nguồn đầu tư thì chính sự thiếu cơ chế khởi nghiệp nhằm cân bằng lợi ích kinh tế của nhà khoa học và cơ quan quản lý cũng là một nguyên nhân gây khó khăn. Và mô hình spin-off chính là một giải pháp tốt cho những lợi ích này. Để có thể phát triển được mô hình này, điều đầu tiên tất nhiên phải đến từ chính nghiên cứu của các nhà khoa học: các kết quả có tính ứng dụng. Thứ hai là hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cần chặt chẽ để giúp nhà nghiên cứu có thể bảo vệ sản phẩm của mình. Thứ ba là các quỹ đầu tư khởi nghiệp từ chính phủ trực tiếp cho các cơ quan nghiên cứu cho mục đích spin-off, cùng với hệ thống pháp lý chặt chẽ, rõ ràng quy định về quyền lợi các bên (nhà nghiên cứu, cơ quan sở hữu,...), và cơ chế thông thoáng, thủ tục hành chính gọn nhẹ. Và thứ tư, cần sự quản lý độc lập (theo đúng mô hình spin-off) của các công ty khởi nghiệp khỏi hệ thống hành chính và học thuật của trường đại học, viện nghiên cứu nhằm để các công ty này vận hành theo đúng cơ chế thị trường. Rất mong Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan điều hành nghiên cứu khoa học (Quỹ NAFOSTED,...) cần nghiên cứu xây dựng các quỹ khởi nghiệp spin-off để hỗ trợ các nghiên cứu ứng dụng, cùng với việc xây dựng hệ thống văn bản pháp quy nhằm luật hóa mô hình này. ■

⁽¹⁾Đại học Kỹ thuật Đan Mạch